

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 1(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc**

**1.1 Nhận dạng sản phẩm**

Tên thương mại

Cosmenyl Carmine FB 30-IN

Mã sản phẩm 292629

Bản chất hóa học: C.I Pigment red 5

**1.2 Cách sử dụng thích hợp được biết của sản phẩm và thông tin liên hệ**

**Cách sử dụng phù hợp được biết của sản phẩm**

Lĩnh vực công nghiệp : Khác

Dùng theo phân loại : Sử dụng công nghiệp

**1.3 Chi tiết của nhà cung cấp bằng thông tin an toàn**

**Thông tin công ty**

Heubach Colorants India Limited Reliable Tech Park

Thane-Belapur Road, Airoli

400 708 Navi Mumbai, India

Số điện thoại : +91 22 7125 1000

**Thông tin về sản phẩm**

Product Stewardship, +91 22 7125 1142

Địa chỉ mail: SDS.PI.India@clariant.com

**1.4 Số điện thoại khẩn cấp**

+65 3158 1198

**Phần 2: Nhận dạng nguy cơ**

**2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp**

**Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))**

Kích ứng mắt, Cấp 2

H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**2.2 Các yếu tố nhãn**

**Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**  
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.  
P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.

**Biện pháp ứng phó:**

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 2(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.  
P337 + P313 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

**Dán nhãn bổ sung**

EUH208 Chứa 3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate. Có thể gây dị ứng.

**2.3 Các nguy cơ khác**

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Thông tin sinh thái học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Thông tin độc học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

**Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu**

**3.2 Các hỗn hợp**

**Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS Số EC Chỉ số-Số Số đăng ký	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts	68891-38-3 500-234-8	Skin Irrit. 2; H315 Eye Dam. 1; H318 Aquatic Chronic 3; H412  giới hạn nồng độ cụ thể 2; H319 5,0 - < 10,0 % 1; H318 >= 10,0 %	>= 5 - < 10
3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate	55406-53-6 259-627-5 616-212-00-7	Acute Tox. 4; H302 Acute Tox. 3; H331 Eye Dam. 1; H318 Skin Sens. 1; H317 STOT RE 1; H372 (thanh quản) Aquatic Acute 1; H400 Aquatic Chronic 1; H410	>= 0,1 - < 0,25

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 3(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

		<p>Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh): 10 Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh): 1</p> <hr/> <p>Ước lượng độc tính cấp</p> <p>Độc tính cấp theo đường miệng: 500,0 mg/kg</p>	
--	--	---	--

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

**Phần 4: Các biện pháp sơ cứu**

**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết**

- Lời khuyên chung : Nhanh chóng cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm hoá chất.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp bị chạm phải, ngay lập tức rửa sạch da bằng xà phòng và thật nhiều nước. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tìm kiếm sự giúp đỡ y tế. Điều trị mắt bởi một bác sĩ nhãn khoa.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước. Nếu tỉnh táo, đưa cho nạn nhân thật nhiều nước để uống. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu nuốt phải, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức và cung cấp bao bì hay nhãn cho nhân viên y tế

**4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này**

Được biết là chưa xảy ra.

**4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt**

Xử lý : Điều trị theo triệu chứng.

**Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa**

**5.1 Các phương tiện chữa cháy**

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : nước

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 4(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Các phương tiện chữa cháy : Không hạn chế  
không thích hợp

**5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp**

**5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Bộ quần áo bảo hộ đầy đủ  
cho lính cứu hỏa

Thông tin khác : Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được  
thải phù hợp với các quy định địa phương.

**Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

**6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố**

Phòng ngừa cá nhân : Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.  
Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Sử dụng bảo vệ hô hấp nếu tiếp xúc với hơi / bụi / bình xịt.

**6.2 Các cảnh báo về môi trường**

Các cảnh báo về môi trường : Chứa chất rơi vãi  
Không được đổ xuống cống.  
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước,  
hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

**6.3 Các phương pháp và vật liệu để bao vây và làm sạch.**

Các phương pháp làm sạch : Mang theo thiết bị phù hợp và nếu cần thiết thu thập trong các  
thùng chứa kín  
Làm sạch sàn và các vật thể bị ô nhiễm kỹ lưỡng bằng nước  
và chất tẩy rửa, tuân thủ các quy định về môi trường  
Xử lý các vật liệu được thu hồi như được mô tả trong phần  
"Các vấn đề cần quan tâm khi tiêu hủy".  
Các thùng chứa chất bị đổ đã được thu thập phải được dán  
nhãn đầy đủ

**6.4 Xem các mục khác**

Thông tin liên quan đến thao tác an toàn, xem chương 7, Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8., Để biết  
cách xử lý, xem phần 13.

**Phần 7: Xử lý và lưu trữ**

**7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Quan sát những đề phòng thông thường khi thao tác hóa chất  
Đảm bảo thông thoáng tốt trong khu vực làm việc, việc thông  
hơi từng khu vực nội bộ có thể cần thiết, đặc biệt khi đổ hết  
nguyên liệu trong thùng chứa.

Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 5(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

này. Tránh xa các thực phẩm, đồ uống và thức ăn gia súc chất liệu. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Chỉ sử dụng ở nơi có sự thông thoáng tốt. Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.

**7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào**

Các yêu cầu đối với khu vực : Chỉ Lưu trữ trong thùng chứa gốc. Giữ thùng chứa đầy kín và lưu trữ và thiết bị chứa ở nơi thoáng mát, thông hơi tốt.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Giữ cách xa nguồn nhiệt Để xa ánh nắng trực tiếp.

Lời khuyên cho việc lưu trữ thông thường : Không lưu trữ hoặc vận chuyển chung với thức ăn Để xa các chất oxy hóa. Không lưu trữ cùng với kim loại. Không lưu trữ với axit hoặc kiềm

**7.3 Sử dụng cụ thể**

**Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

**8.1 Các thông số kiểm soát**

**Mức độ không bị ảnh hưởng. (DNEL) theo Quy định (EU) số 1907/2006:**

Nhận dạng hóa chất	Sử dụng cuối	Đường tiếp xúc	Các tác động tiềm ẩn lên sức khỏe	Giá trị
Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts Số CAS: 68891-38-3	Công nhân	Da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	2750 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	175 mg/m3
	Ghi chú:DNEL			
	Dân số chung	Da	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	1650 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Dân số chung	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	52 mg/m3
	Ghi chú:DNEL			
	Dân số chung	Đường miệng	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	15 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Công nhân	Da	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	0,132 mg/cm2
	Dân số chung	Da	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	0,079 mg/cm2
Glycerine	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu	220 mg/m3

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 6(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Số CAS: 56-81-5			dài cục bộ	
	Ghi chú:DNEL			
	Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	132 mg/m3
	Ghi chú:DNEL			

**Nồng độ không gây ảnh hưởng theo dự báo (PNEC) theo Quy định (EU) số 1907/2006:**

Nhận dạng hóa chất	Phòng môi trường	Giá trị
Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts Số CAS: 68891-38-3	Nước ngọt	0,24 mg/l
	nước muối	0,024 mg/l
	Nước (xả không liên tục)	0,071 mg/l
	Trầm tích nước ngọt	0,9168 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
	Trầm tích biển	0,0917 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
	Đất	7,5 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
	Hệ thống xử lý nước thải	10000 mg/l
Glycerine Số CAS: 56-81-5	Hệ thống xử lý nước thải	1000 mg/l

**8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ

Bảo vệ tay  
Ghi chú : Găng tay bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Bảo vệ hô hấp : Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp trong trường hợp thiếu hụt sự thoát khí hoặc phơi nhiễm thời gian dài

**Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học**

**9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

Trạng thái vật lý : Bột nhão

Màu sắc : màu đỏ

Mùi đặc trưng : không mùi

Giới hạn trên của cháy nổ /  
Giới hạn trên của sự bốc cháy : Không áp dụng được

Giới hạn dưới của cháy nổ /  
Giới hạn dưới của sự bốc  
cháy : Không áp dụng được

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 7(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Điểm cháy	:	> 100 °C Không có điểm chớp cháy - Đo được thực hiện đến điểm sôi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ phân hủy	:	225 °C Phương pháp: DTA
Độ pH	:	7,5 - 8,5 (30 °C)
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	không tan
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	Dung môi: Chất béo Không thử nghiệm
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	không có thông tin
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Mật độ lớn	:	1,2 kg/m <sup>3</sup>
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được

**9.2 Các thông tin khác**

Đặc tính oxy hóa	:	không có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được

---

**Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng**

**10.1 Khả năng phản ứng**

**10.2 Tính ổn định**

**10.3 Phản ứng nguy hiểm**

Phản ứng nguy hại	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
-------------------	---	--

**10.4 Các điều kiện cần tránh**

**10.5 Vật liệu không tương thích**

**10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy**

Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nếu được lưu trữ và xử lý theo quy định

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 8(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Phần 11: Thông tin độc học**

**11.1 Thông tin về các nhóm độc hại như định nghĩa trong Quy định (EC) Số 1272/2008**

**Độc cấp tính**

**Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: > 5 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da : Ghi chú: không có thông tin

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): 2.870 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401  
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402  
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): 1.470 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401  
GLP: có  
Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp có độ độc hại vừa sau khi nuốt phải.

Ước lượng độc tính cấp: 500,0 mg/kg  
Phương pháp: Ước đoán điểm độc tính cấp chuyển hóa

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 6,89 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403  
GLP: chưa có dữ liệu  
Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp độc hại sau khi hít phải trong thời gian ngắn.

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, Đực và cái): > 2.000 mg/kg  
Phương pháp: Khác  
GLP: có



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 9(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Ăn mòn/kích ứng da**

**Sản phẩm:**

Ghi chú : chưa có dữ liệu

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Loài : Thỏ  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404  
Kết quả : Gây kích ứng da.

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Loài : Thỏ  
Thời gian phơi nhiễm : 4 h  
Phương pháp : Khác  
Kết quả : Không gây kích ứng da  
GLP : có

**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

**Sản phẩm:**

Ghi chú : chưa có dữ liệu

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405  
Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Loài : Thỏ  
Phương pháp : Khác  
Kết quả : Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
GLP : có

**Kích thích hô hấp hoặc da**

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Loài : Chuột lang  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406  
Kết quả : Không phải là chất gây mẫn cảm da

Đánh giá : Gây kích ứng da., Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại  
Loài : Chuột lang

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
theo Quy định (EU) số 1907/2006



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 10(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406  
Kết quả : Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.  
GLP : có

Đánh giá : Có hại nếu nuốt phải., Ngộ độc nếu hít phải., Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames  
Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium  
Nồng độ: 0, 11, 56, 280, 1400, 7000 µg/  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú  
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào u lympho của chuột  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm  
Hệ thống thử nghiệm: Tế bào tủy xương  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất  
Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm di truyền tế bào  
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)  
Gốc: CD1  
Loại tế bào: Tế bào tủy xương  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Liều lượng: 1000, 2000 mg/kg bw/day  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 475  
Kết quả: Âm tính

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu về đột biến gen ở tế bào động vật có vú trong ống nghiệm  
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào phổi của chuột đồng Trung Quốc  
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 11(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames

Hệ thống thử nghiệm: Salmonella typhimurium

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Khác

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm tổng hợp DNA không có lịch trình

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào gan của động vật gặm nhấm

Sự hoạt hóa trao đổi chất: không có

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 482

Kết quả: Âm tính

GLP: có

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)  
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)  
Gốc: CD1  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474  
Kết quả: Âm tính  
GLP: có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá : Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác nhân gây đột biến., Các thử nghiệm trên cơ thể sinh vật sống không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến.

**Tác nhân gây ung thư**

**Thành phần:**

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Loài : Chuột, Đực và cái  
Lộ trình ứng dụng : bằng miệng (cho ăn)  
Thời gian phơi nhiễm : 104 wk  
Liều lượng : 0, 20, 40, 80 mg/kg  
Nhóm kiểm soát : có  
Số ca điều trị : daily  
 : 20 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453  
GLP : có

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Không có bằng chứng về đặc tính gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 12(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Độc tính sinh sản**

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu hai thế hệ  
Loài: Chuột, Đực và cái  
Gốc: Sprague-Dawley  
Lộ trình ứng dụng: Nước uống  
Liều lượng: 30, 100, 300 mg/kd bw/day  
Tính độc hại chung đối với cha mẹ: NOAEL: 300 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Tính độc hại chung F1: NOAEL: 300 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416  
GLP: có

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, con cái  
Gốc: Sprague-Dawley  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Liều lượng: 100, 300, 1000 mg/kg bw/day  
Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: > 1.000 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Gây độc đối với phôi thai.: NOAEL: > 1.000 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414  
GLP: có

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu hai thế hệ  
Loài: Chuột, Đực và cái  
Gốc: Sprague-Dawley  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Liều lượng: 0, 120, 300, 750 ppm  
Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 90 d  
Số ca điều trị: 1 Mỗi ngày  
Tính độc hại chung đối với cha mẹ: NOAEL: 20,7 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Tính độc hại chung F1: NOAEL: > 750 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Tính độc hại chung F2: NOAEL: > 750 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416  
GLP: có

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Trước khi sinh  
Loài: Chuột, con cái  
Gốc: Sprague-Dawley  
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Liều lượng: 0, 20, 50, 125 mg/kg bw/day  
Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 20 d  
Số ca điều trị: 1 Mỗi ngày  
Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: 50 mg/kg trọng lượng cơ thể

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 13(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Độc tính gây quái thai: NOAEL: > 125 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Độc tính đối với sự phát triển: NOAEL: > 125 mg/kg trọng lượng cơ thể  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414  
GLP: không

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có bằng chứng về các ảnh hưởng có hại đối với chức năng sinh dục, sinh sản hay đối với sự phát triển, dựa vào các thực nghiệm trên động vật.

**STOT - Tiếp xúc một lần**

**Thành phần:**

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

**STOT - Tiếp xúc lặp lại**

**Thành phần:**

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Đường tiếp xúc : Hít phải  
Các cơ quan đích : thanh quản  
Đánh giá : Gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

**Lượng độc lặp lại**

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Loài : Chuột, Đực và cái  
NOAEL : > 225 mg/kg  
Lộ trình ứng dụng : bằng miệng (đưa vào dạ dày)  
Thời gian phơi nhiễm : 90 d  
Số lần phơi nhiễm : daily  
Liều lượng : 25, 75, 225 mg/kg bw/day  
Nhóm kiểm soát : có  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408  
GLP : có

Loài : Chuột nhắt, Đực và cái  
NOAEL : > 6,91 mg/kg  
Thời gian phơi nhiễm : 91 d  
Số lần phơi nhiễm : 5 per week  
Liều lượng : 2,38, 6,91 mg/day  
Nhóm kiểm soát : có  
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 411

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Loài : Chuột, Đực và cái

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 14(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

NOEL	:	20 mg/kg bw/ngày
Lộ trình ứng dụng	:	bằng miệng (đưa vào dạ dày)
Thời gian phơi nhiễm	:	90 d
Số lần phơi nhiễm	:	daily
Liều lượng	:	0, 20, 50, 125 mg/kg
Nhóm kiểm soát	:	có
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
GLP	:	có
Ghi chú	:	Bằng phương pháp suy luận dựa trên một sản phẩm có cùng thành phần
Loài	:	Chuột, Đực và cái
NOAEC	:	0,00116 mg/l
Lộ trình ứng dụng	:	Hô hấp (bụi/ khói/ sương)
Thời gian phơi nhiễm	:	90 d
Số lần phơi nhiễm	:	6 h, 5 days a week
Liều lượng	:	0, 0.25, 1.25, 6.25 mg/m <sup>3</sup> air
Nhóm kiểm soát	:	có
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 413
GLP	:	có
Ghi chú	:	Bằng phương pháp suy luận dựa trên một sản phẩm có cùng thành phần

**Độc tính hô hấp**

**Thành phần:**

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Không có dạng độc tính hô hấp

**11.2 Thông tin về các chất độc hại khác**

**Các tính chất phá vỡ nội tiết**

**Sản phẩm:**

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

---

**Phần 12: Thông tin sinh thái học**

**12.1 Độc tính**

**Sản phẩm:**

Độc đối với cá : Ghi chú: không có thông tin

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Độc đối với cá : LC50 (Danio rerio (cá vằn)): 7,1 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 15(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 7,4 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 27,7 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

EC10 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 4,4 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,14 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Loài: Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 204

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,27 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 21 d  
Loài: Daphnia magna (Bọ nước)  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211  
Ghi chú: Bằng phương pháp suy luận dựa trên một sản phẩm có cùng thành phần

**Đánh giá độc tố sinh thái học**

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,067 mg/l  
Điểm kết thúc: tử vong  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Giám sát phân tích: có  
Phương pháp: Khác  
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : LC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,645 mg/l  
Điểm kết thúc: tử vong  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Giám sát phân tích: có

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
theo Quy định (EU) số 1907/2006



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 16(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Phương pháp: Khác  
GLP: có

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 0,053 mg/l  
Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Giám sát phân tích: có  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201  
GLP: có

ErC10 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): 0,013 mg/l  
Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng  
Thời gian phơi nhiễm: 72 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Giám sát phân tích: có  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201  
GLP: có

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 10

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): 44 mg/l  
Điểm kết thúc: Độc tính vi khuẩn (ức chế hô hấp)  
Thời gian phơi nhiễm: 3 h  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh  
Giám sát phân tích: không  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209  
GLP: có

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,0084 mg/l  
Điểm kết thúc: Khác  
Thời gian phơi nhiễm: 35 d  
Loài: Pimephales promelas (cá tuế đầu to)  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Giám sát phân tích: có  
Phương pháp: Khác  
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,0499 mg/l  
Điểm kết thúc: tử vong  
Thời gian phơi nhiễm: 21 d  
Loài: Daphnia magna (Bọ nước)  
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm chảy  
Giám sát phân tích: có  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202  
GLP: có

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 17(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Đánh giá độc tố sinh thái học**

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

**12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

**Thành phần:**

**Alcohols, C12-14 ethoxylated, sulfates, sodium salts:**

Tính phân hủy sinh học : Loại kiểm nghiệm: hiếu khí  
Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.  
Phân hủy sinh học:  $\geq 77\%$   
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D

**12.3 Khả năng tích lũy sinh học**

**Thành phần:**

**3-Iodo-2-propynyl butylcarbamate:**

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 2,81 (25 °C)  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107  
GLP: có

**12.4 Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB**

**Sản phẩm:**

Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

**12.6 Các tính chất phá vỡ nội tiết**

**Sản phẩm:**

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

**12.7 Các tác hại khác**

**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : Không được phép thải vào nước ngầm, kênh hoặc nước thải

**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 18(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

**Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy**

**13.1 Các phương pháp xử lý chất thải**

- Sản phẩm : Loại bỏ theo quy định của địa phương
- Bao bì nhiễm độc : Bao bì bị ăn mòn hoặc bị ô nhiễm nên được xử lý như chất thải sản phẩm xem xét tái chế

**Phần 14: Thông tin vận chuyển**

**Phần 14.1 đến 14.5**

ADR	not restricted
ADN	not restricted
RID	not restricted
IATA	not restricted
IMDG	not restricted

**14.6. Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng**

Xem phần 6 đến 8 trong tài liệu an toàn này

**14.7. Vận chuyển hàng hải số lượng lớn theo công cụ IMO**

Không áp dụng

**Phần 15: Thông tin pháp luật**

**15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

**15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất**

**Phần 16: Các thông tin khác**

**Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H**

- H302 : Có hại nếu nuốt phải.  
H315 : Gây kích ứng da.  
H317 : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
H318 : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H331 : Ngộ độc nếu hít phải.  
H372 : Gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
H400 : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.  
H410 : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.  
H412 : Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

- Acute Tox. : Độc cấp tính  
Aquatic Acute : Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh  
Aquatic Chronic : Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
theo Quy định (EU) số 1907/2006



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 19(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

Eye Dam.	:	Gây tổn thương nặng cho mắt
Skin Irrit.	:	Kích ứng da
Skin Sens.	:	Nhạy cảm với da
STOT RE	:	Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

ADN - Hiệp định châu Âu về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường thủy Nội địa; ADR - Hiệp định về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ; AIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CLP - Quy định về Xác định Nhãn Đóng gói bao bì; Quy định (EC) Số 1272/2008; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECHA - Cơ quan Hóa chất châu Âu; EC-Number - Mã số Cộng đồng châu Âu; ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; RID - Quy định về Vận tải Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; SVHC - chất có nguy cơ rất cao; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TRGS - Quy định về mặt Kỹ thuật đối với Chất Độc hại; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy

**Thông tin khác**

Các thông tin khác : Xem xét yêu cầu pháp lý quốc gia và địa phương

**Phân loại hỗn hợp:**

Eye Irrit. 2

H319

**Thủ tục phân loại:**

Phương pháp tính toán

Các dữ kiện trên đây dựa trên thông tin hiện hành mà chúng tôi được biết, nhằm mục đích mô tả chung về sản phẩm và những ứng dụng khả dĩ của nó. Heubach không chứng thực, phát biểu hay bao hàm tính chính xác, thích hợp và đầy đủ của thông tin cung cấp cũng như chúng tôi được quyền miễn trừ đối với thiếu sót và không chấp nhận nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến việc sử dụng thông tin này. Người sử dụng sản phẩm này có trách nhiệm xác định tính phù hợp của sản phẩm của Heubach cho ứng dụng cụ thể của nó. Không điều nào trong thông tin này phủ nhận Các điều khoản chung và điều kiện bán hàng của Heubach - nhằm kiểm soát, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản. Bất cứ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ nếu có phải được xem xét. Do các thay đổi có thể xảy ra đối với sản phẩm của chúng tôi cũng như quy định và luật định

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
theo Quy định (EU) số 1907/2006



**Cosmenyl Carmine FB 30-IN**

Trang 20(20)

Mã hoá chất: 000000628371

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 1 / EU

Ngày in : 01.02.2023

quốc gia và quốc tế tương ứng, tình trạng của sản phẩm có thể thay đổi. Thông tin an toàn sản phẩm đề xuất sự đề phòng về mặt an toàn, mà có thể quan sát trong quá trình thao tác và lưu trữ sản phẩm của Heubach, thông tin này sẵn có khi yêu cầu và được cung cấp phù hợp luật định. Bạn nên có và xem xét Thông tin an toàn sản phẩm trước khi sử dụng sản phẩm. Nếu cần thêm thông tin, hãy liên lạc với Heubach.

REG\_EU / VI